

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Tiến Hiệt.

2. Bà Lò Thị Le.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về vụ việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX- ST ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị V, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La “có mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Mè Văn H, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La “có mặt”

3. *Người có quyền lợi liên quan:*

Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Do chị Lữ Hồng N, cán bộ tín dụng , Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y là người đại diện được ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 17 tháng 8 năm 2020) “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (xin ly hôn), cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị V trình bày:

Chị Lò Thị V kết hôn với anh Mè Văn H vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không do ai ép buộc và đã được UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán địa phương, Sau khi kết hôn vợ chồng chị V, anh H sống chung với bố mẹ đẻ của anh H tại bản P, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La được

một thời gian sau thì ra ở riêng, trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng có nhiều vấn đề dẫn đến tình cảm vợ chồng mờ nhạt, không còn tình cảm với nhau, sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng không thể quay lại, hòa hợp với nhau được, chị V, anh H đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Mè Văn H.

Về con chung: Anh H, chị V có với nhau 01 con là Mè Duy K, sinh ngày 02/3/2008, hiện đang sinh sống cùng bà ngoại tại bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La, nếu ly hôn tùy theo con ở với ai cũng được.

Về tài sản chung: Trước khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V, anh H vay số tiền 55.000.000đ của Ngân hàng CSXH huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Nếu ly hôn, chị Vui chấp nhận trả một nửa số tiền gốc và lãi xuất cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn anh Mè Văn H trình bày và đề nghị:

Việc kết hôn của vợ chồng là đúng như chị Lò Thị V trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do chị V không chung thủy với chồng con dẫn đến vợ, chồng cãi cọ nhau, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, nay chị V có đơn xin hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải quyết cho anh, chị trở lại đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Có 01 con Mè Duy K, sinh ngày 02/3/2008, hiện đang ở với bố mẹ của chị V tại bản N, xã C, huyện Y, nếu chị V nhất quyết ly hôn, anh H nhất trí như chị V đã đề nghị, tùy theo ý trí, nguyện vọng của cháu muốn ở với ai cũng được.

Về tài sản chung: Vợ, chồng tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng còn nợ 55.000.000đ vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y, tỉnh Sơn La, anh H đề nghị chị V cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi liên quan trong vụ án: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y, người đại diện bà Lữ Hồng N trình bày và đề nghị: Gia đình anh Mè Văn H và chị Lò Thị V có vay 02 khoản vay tại Ngân hàng CSXH huyện. Khoản thứ nhất vay theo chương trình hộ nghèo năm 2016 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng); khoản thứ hai năm 2017 vay theo chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở 25.000.000đồng. Đây là khoản vay chung do vợ chồng vay, đề nghị HĐXX buộc các đương sự phải trả nợ cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của Thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện chị Lò Thị V là có căn cứ. Do vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 37, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lò Thị V, được ly hôn anh Mè Văn H.

Về con chung: Giao cháu Mè Duy K, sinh ngày 02/3/2008, cho anh Mè Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, chị V không phải phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh Mè Văn H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh H, chị V phải có trách nhiệm trả số nợ chung là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng CSXH huyện Y, tỉnh Sơn La.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lò Thị V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La giải quyết được ly hôn anh Mè Văn H, anh H và chị V đều cư trú tại huyện Y, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị V, anh Mè Văn H là trai chưa vợ, gái

chưa chồng, tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2007, có giấy kết hôn do UBND xã C, cấp giấy kết hôn với nhau. Có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị V, anh Hoàng sống chung với bố mẹ đẻ của anh H tại bản P, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La được một thời gian. Sau đó thì ra ở riêng, trong quá trình chung sống, anh H, chị V sống hòa thuận hạnh phúc với nhau một thời gian khá dài, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H, chị V đều không có nghề nghiệp nên phải đi làm công nhân ở dưới xuôi, ở mỗi người một nơi, rồi nảy sinh nghi ngờ lẫn nhau, rồi có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau, làm cho tình cảm giữa hai người mờ nhạt, từ đó anh H, chị V ít quan tâm đến nhau, thậm chí không thông tin gì cho nhau, tắt máy điện thoại, không liên lạc gì với nhau. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa anh H cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị tòa giải quyết cho anh chị trở lại đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên khi anh chị có mâu thuẫn, mặc dù anh H mong muốn trở lại đoàn tụ nhưng anh H vẫn không chủ động nói lại tình cảm mà vẫn để cho tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải cho vợ chồng trở lại đoàn tụ, nhưng anh H, chị V không thể quay lại hòa hợp với nhau được. Tại biên bản xác minh ngày tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y cũng xác định chị V, anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng chị V, anh H không còn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị xin ly hôn của chị V, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Cần xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Mè Văn H.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị V, anh Mè Văn H có 01 con chung là Mè Duy K, sinh ngày 02/3/2008, hiện nay con đang ở với bố mẹ đẻ của chị V. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V đề nghị con đã lớn, đề nghị theo nguyện vọng của con, con muốn ở với ai cũng được. Anh H cũng có ý kiến như vậy, con muốn ở với ai cũng được. Xét nguyện vọng của cháu K tại phiên tòa, cũng như đề nghị của anh H, chị V cần thiết cho cháu Mè Duy K cho anh Mè Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị Lò Thị V chưa phải cấp dưỡng nuôi con vì anh H chưa yêu cầu. Anh Mè Văn H và chị Lò Thị V có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị V và anh H tự thỏa thuận chia nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lò Thị V, anh Mè Văn H thừa nhận có vay Ngân hàng CSXH huyện Y, số tiền 55.000.000đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) tiền gốc theo 02 chương trình cho vay: Khoản vay thứ nhất là 30.000.000đồng, phê duyệt cho vay của Ngân hàng ngày 15/3/2016, thời hạn vay là 05 năm, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo”; khoản vay thứ hai là vay theo chương trình cho vay “Hộ nghèo về nhà ở” tiền gốc 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), phê duyệt cho vay ngày 14/7/2017, thời hạn vay 15 năm.

Xét thấy đây là khoản nợ chung, các đương sự đều thừa nhận và đề nghị HĐXX xem xét cho các bên đương sự phải có trách nhiệm trả nợ một nửa, mỗi người phải trả 27.500.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Để đảm bảo công bằng trong việc trả tiền gốc, lãi, thời hạn trả nợ cuối cùng, cần giao cho anh H, chị V trả mỗi người một nửa số tiền gốc và lãi phát sinh của mỗi chương trình cho vay, cụ thể như sau:

Anh Mè Văn H phải trả cho Ngân hàng CSXH huyện 27.500.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh từ ngày trả lãi lần cuối cùng cho đến khi trả nợ xong, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo”; 12.500.000đồng tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày trả lãi cuối cùng cho đến khi trả nợ xong, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo về nhà ở”.

Chị Lò Thị V phải trả cho Ngân hàng CSXH huyện 27.500.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh từ ngày trả lãi lần cuối cùng cho đến khi trả nợ xong, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo”; 12.500.000đồng tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày trả lãi cuối cùng cho đến khi trả nợ xong, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo về nhà ở”.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 37, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Mè Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Mè Duy K, sinh ngày 02/3/2008 cho anh Mè Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị Lò Thị Vui chưa phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Mè Văn H chưa yêu cầu.
3. Về tài sản chung: Chị Lò Thị V và anh Mè Văn H xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Mè Văn H phải trả cho Ngân hàng CSXH huyện Y 27.500.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh từ ngày trả lãi lần cuối cùng cho đến khi trả nợ xong, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo”; 12.500.000đồng tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày trả lãi cuối cùng cho đến khi trả nợ xong, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo về nhà ở”.

Chị Lò Thị V phải trả cho Ngân hàng CSXH huyện 27.500.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh từ ngày trả lãi lần cuối cùng cho đến khi trả nợ xong, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo”; 12.500.000đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày trả lãi cuối cùng cho đến khi trả nợ xong, theo chương trình cho vay “Hộ nghèo về nhà ở”.

5. Về án phí:

- Chị Lò Thị V phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn 300.000đồng; án phí sơ thẩm dân sự về nghĩa vụ trả nợ 1.375.000đồng. Tổng số án phí chị V phải trả là 1.675.000đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/ 0004815 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La. Chị V phải nộp tiếp 1.375.000đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Anh Mè Văn H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về nghĩa vụ trả nợ 1.375.000đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/8/2020) các đương sự anh Mè Văn H và chị Lò Thị V, bà Lữ Hồng N được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- Thi hành án dân sự huyện Y;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Văn Bình